

Bản án số: 22/2023/HS-PT
Ngày: 19/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Quốc

Các Thẩm phán: Ông Trần Trí Dũng

Bà Trương Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huỳnh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 31/2023/TLPT-HS ngày 14 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị L1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HSST ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1990 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa hảo; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 4/12; con ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Bé E; có chồng là ông Trần Thanh N, sinh năm 1987. Tiền án, tiền sự: không.

2. Nguyễn Thị N, sinh năm 1979 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa hảo; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L1; có chồng là ông Nguyễn Thương L2, sinh năm 1975; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: không.

3. Nguyễn Thị L1, sinh năm 1962 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã T,

huyện C, thành phố Cần Thơ; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa hảo; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 3/12; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị N; có chồng là ông Nguyễn Văn T (chết); con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1989. Tiền án, tiền sự: không.

(Các bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo N và bị cáo L1: Luật sư Trịnh Hoàng K - Công ty Luật Q, Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

Trong vụ án, còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo từ người dân, Nguyễn Thị N có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi bán số đề nên vào lúc 17 giờ 30 phút ngày 28/8/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, thành phố Cần Thơ, tiến hành khám xét khẩn cấp trên người của N tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động Oppo A74 và sim số 0939288403 (thu giữ trong túi quần bên trái của bị cáo N); tiền Việt Nam 1.700.000 đồng (thu giữ trong túi quần bên phải của N).

Quá trình điều tra xác định: Từ ngày 22/8/2022, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị L1 bắt đầu ghi bán số đề rồi nộp lại cho Nguyễn Thị Kim L và giữ lại ăn thua trực tiếp với người mua số đề. Hàng ngày, N ở nhà, ghi bán số đề trực tiếp và sử dụng điện thoại di động Oppo A74 và sim số 0939288403 nhận tin nhắn mua số đề. Ngoài ra, Nguyễn Thị L1 (là mẹ ruột của N) trực tiếp ghi bán số đề tại nhà. Sau đó, L1 đưa lại cho N tổng hợp phoi, N sử dụng điện thoại di động Oppo A74 và sim số 0939288403 chụp hình phoi đề gửi qua ứng dụng Zalo từ tài khoản Zalo “Hao Hao” của N qua tài khoản Zalo “Nguyễn L” của L có số điện thoại 0832921516. Do có mối quan hệ họ hàng, N giao phoi cho L thì L nạp tiền vào điện thoại cho N sử dụng, N không hưởng tiền huê hồng. Đối với phần bao lô, mỗi con số N giữ lại 5.000 đồng để ăn thua trực tiếp với người mua số đề. Sau khi có kết quả xổ số đến ngày hôm sau, N và L tính tiền thắng thua và giao nhận tiền. N đưa tiền cho L1 chung cho người mua số đề. Hình thức ăn thua đối với lô A, B và bao lô 02 con số mua 1.000 đồng trúng 80.000 đồng, số đá 1.000 đồng trúng 500.000 đồng.

Qua kiểm tra điện thoại di động Oppo A74 và sim số 0939288403 của N có nội dung số đề N giao phoi cho L và giữ lại ăn thua từ ngày 22/8/2022 đến ngày 28/8/2022 cụ thể như sau:

- Ngày 22/8/2022: Đài Đồng Tháp 1.185.000 đồng. Trong đó, giao cho L 1.110.000 đồng, giữ lại 75.000 đồng để ăn thua trực tiếp; Đài Cà Mau 315.000 đồng, trúng 160.000 đồng; đài Thành phố Hồ Chí Minh 95.000 đồng.

- Ngày 23/8/2022 đài Bến Tre 1.306.000 đồng, trúng 240.000 đồng. Trong đó, giao cho L 1.081.000 đồng, trúng 240.000 đồng, N giữ lại 225.000 đồng; Đài Bạc Liêu 630.000 đồng, trúng 1.600.000 đồng. Trong đó, giao cho L 480.000 đồng, trúng 1.200.000 đồng, N giữ lại 150.000 đồng, trúng 400.000 đồng; Đài Vũng Tàu 630.000 đồng, trúng 1.600.000 đồng. Trong đó, giao cho L 480.000 đồng, trúng 1.200.000 đồng, N giữ lại 150.000 đồng, trúng 400.000 đồng.

- Ngày 24/8/2022 bán đài Cần Thơ 1.830.000 đồng, trúng 4.800.000 đồng; Trong đó, giao cho L 1.530.000 đồng, trúng 4.400.000 đồng, N giữ lại 300.000 đồng, trúng 400.000 đồng; Đài Sóc Trăng 2.860.000 đồng, trúng 2.000.000 đồng. Trong đó, giao cho L 2.260.000 đồng, trúng 1.600.000 đồng, N giữ lại 600.000 đồng, trúng 400.000 đồng; Đài Đồng Nai 975.000 đồng, trúng 2.000.000 đồng. Trong đó, giao cho L 750.000 đồng, trúng 1.600.000 đồng, N giữ lại 225.000 đồng, trúng 400.000 đồng.

- Ngày 25/8/2022, N bán đài An Giang 5.825.000 đồng, trúng 8.240.000 đồng. Trong đó, giao cho L 5.075.000 đồng, trúng 7.440.000 đồng, N giữ lại 750.000 đồng, trúng 800.000 đồng; Đài Bình Thuận 1.180.000 đồng, trúng 240.000 đồng. Trong đó, giao cho L 430.000 đồng, trúng 240.000 đồng, N giữ lại 750.000 đồng; Đài Tây Ninh 40.000 đồng, giao cho L.

- Ngày 26/8/2022: Đài Trà Vinh 2.600.000 đồng, trúng 3.600.000 đồng. Trong đó, giao cho L 2.225.000 đồng, trúng 3.200.000 đồng, N giữ lại 375.000 đồng, trúng 800.000 đồng; Đài Vĩnh Long 1.575.000 đồng, trúng 3.200.000 đồng. Trong đó, giao cho L 1.275.000 đồng, trúng 2.400.000 đồng, N giữ lại 300.000 đồng, trúng 800.000 đồng; Đài Bình Dương 1.575.000 đồng, trúng 400.000 đồng. Trong đó, giao cho L 1.275.000 đồng, trúng 400.000 đồng, N giữ lại 300.000 đồng.

- Ngày 27/8/2022: Đài Long An 1.465.000 đồng, trúng 400.000 đồng. Trong đó, giao cho L 1.240.000 đồng, trúng 400.000 đồng, N giữ lại 225.000 đồng; Đài Hậu Giang 1.260.000 đồng. Trong đó, giao cho L 1.110.000 đồng, N giữ lại 150.000 đồng; Đài Bình Phước 855.000 đồng, trúng 2.000.000 đồng. Trong đó, giao cho L 705.000 đồng, trúng 1.600.000 đồng, N giữ lại 150.000 đồng, trúng 400.000 đồng; Đài Thành phố Hồ Chí Minh 855.000 đồng. Trong đó, giao cho L 705.000 đồng, N giữ lại 150.000 đồng.

- Ngày 28/8/2022, L1 ghi bán cho bà Nguyễn Thị Thu T 5.000 đồng, bà Lê Thị N 10.000 đồng, bà Trần Thị D 5.000 đồng, bà Trần Thị B 5.000 đồng và 02 người khác không biết rõ họ tên và địa chỉ. N ghi bán cho bà Trần Thị T 85.000 đồng. Sau đó, L1 đưa cho N tổng hợp phôi lại giao cho L gồm: đài Tiền Giang 975.000 đồng. Trong đó, giao cho L 825.000 đồng, N giữ lại 150.000 đồng; đài Đà Lạt 975.000 đồng, trúng 400.000 đồng. Trong đó, giao cho L 825.000 đồng, trúng 400.000 đồng, N giữ lại 150.000 đồng; đài Kiên Giang

2.475.000 đồng, trúng 9.600.000 đồng. Trong đó, giao cho L 2.110.000 đồng, trúng 8.800.000 đồng, N giữ lại 375.000 đồng, trúng 800.000 đồng.

Trong thời gian ghi bán số đề, N giao phôi cho L, L chuyển tiền vào tài khoản điện thoại cho N khoảng 300.000 đồng. Riêng đối với số tiền N giữ lại ăn thua với người mua số đề thì số tiền người mua thắng nhiều hơn số tiền N giữ lại nên N không có thu lợi.

Đối với L1 ghi bán số đề giao lại cho N thì L1 không có hưởng tiền huê hồng mà N lo chi phí ăn uống cho L1.

Trong thời gian nhận phôi đề do N giao thì số tiền người mua số đề thắng nhiều hơn số tiền N giao cho L nên L không có thu lợi.

Nguyễn Thị Kim L giao nộp 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J2 Pro, bà T giao nộp 85.000 đồng; đây là điện thoại và tiền mua số đề.

Tại bản án hình sự số 02/2023/HSST ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị L1 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L và bị cáo N;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim L 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án.

Bị cáo Nguyễn Thị N 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, p khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L1.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim L và bị cáo Nguyễn Thị N, mỗi bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước. Miễn hình phạt tiền cho bị cáo L1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 06/01/2023, bị cáo Nguyễn Thị Kim L kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 13/01/2023, các bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị L1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo N và bị cáo L1: thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa nhận định:

Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ cho các bị cáo. Các bị cáo L và bị cáo N kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới nên không có căn để chấp nhận kháng cáo.

Đối với bị cáo L1, hoàn cảnh gia đình khó khăn, hết tuổi lao động, bị cáo là người khuyết tật đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo L và bị cáo N. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo L1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã tuyên. Đối chiếu với tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày 22/8/2022 đến ngày 28/8/2022, các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị L1 có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức mua bán số đề, cụ thể:

Ngày 24/8/2022, tổng số tiền mua và trúng theo kết quả mở thưởng đài Cần Thơ là 6.630.000 đồng (trong đó tiền mua số là 1.830.000 đồng, tiền trúng là 4.800.000 đồng).

Ngày 25/8/2022, tổng số tiền mua và trúng theo kết quả mở thưởng đài An Giang là 14.065.000 đồng (trong đó tiền mua số là 5.825.000 đồng, tiền trúng là 8.240.000 đồng).

Ngày 26/8/2022, tổng số tiền mua và trúng theo kết quả mở thưởng đài Trà Vinh là 6.200.000 đồng (trong đó tiền mua số là 2.600.000 đồng, tiền trúng là 3.600.000 đồng).

Ngày 28/8/2022, tổng số tiền mua và trúng theo kết quả mở thưởng đài Kiên Giang là 12.075.000 đồng (trong đó tiền mua số là 2.475.000 đồng, tiền trúng là 9.600.000 đồng).

Với hành vi nêu trên, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” với tình tiết định khung tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo kháng cáo cho rằng mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên là quá nặng so với hành vi của các bị cáo và xin được hưởng án treo với các lý do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, từ trước đến nay các bị cáo không có tiền

án tiền sự, các bị cáo lần đầu phạm tội, bị cáo L và bị cáo N là lao động chính trong gia đình, riêng bị cáo L1 là người khuyết tật đi lại khó khăn. Các bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Mặc dù, bản thân các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật song vẫn bất chấp hậu quả để thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Các bị cáo L và N cho rằng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn mới đánh bạc, nhưng số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc là cao hơn rất nhiều so với thu nhập bình quân của người lao động ở địa phương. Chưa kể, các bị cáo phạm tội nhiều lần, liên tục trong nhiều ngày, trong đó có 04 lần đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự về tội danh Đánh bạc. Chính việc đặt niềm tin vào những trò chơi mang tính may rủi, không lo lao động chân chính là nguyên nhân tiềm tàng dẫn đến nhiều hệ lụy khôn lường, trong đó có cả nguy cơ thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Vì đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, cần có mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo L và bị cáo N là đã xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo, mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng và phù hợp, đảm bảo đủ tính răn đe và nhân đạo của pháp luật. Hai bị cáo L và N kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt nào mới, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo.

Đối với bị cáo L1, xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người bị khuyết tật nặng, nhiều bệnh (có giấy xác nhận và thuộc diện hưởng chính sách của địa phương). Bên cạnh đó, bị cáo có con cũng là bị cáo trong vụ án này (bị cáo N), hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là người cao tuổi, bản thân bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án nên căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về chế định án treo thì bị cáo L1 có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Việc cho bị cáo L1 được hưởng án treo cũng đảm bảo được tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội, qua đó để bị cáo nhận thức được chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư bào chữa cho bị cáo L1 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L và bị cáo N, chấp nhận kháng cáo của bị cáo L1. Sửa bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo L, N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Riêng bị cáo L1 được chấp nhận kháng cáo nên không phải nộp án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị N. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Cần Thơ.

2. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Kim L**, bị cáo **Nguyễn Thị N** và bị cáo **Nguyễn Thị L1** phạm tội “Đánh bạc”.

3. Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo *Nguyễn Thị Kim L* 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

4. Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo *Nguyễn Thị N* 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

5. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo *Nguyễn Thị L1* 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng. Thời hạn chấp hành thời gian thử thách án treo được tính từ ngày tuyên án (19/4/2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực

hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

6. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện KSND CC tại T. HCM;
- Viện KSND Tp. Cần Thơ;
- Cơ quan tiến hành tố tụng H. Cờ Đỏ;
- Sở Tư pháp Tp. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Quốc